

## MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	v
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ.....	vi
Chương I.....	1
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1. Tên chủ cơ sở.....	1
2. Tên cơ sở.....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	3
3.1. Công suất của cơ sở.....	3
3.2. Quy trình hoạt động của cơ sở.....	3
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	5
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	5
4.1. Nhu cầu về nguyên, vật liệu và hóa chất sử dụng trong hoạt động chuyên môn.....	5
4.2. Nhu cầu về nhiên liệu.....	5
4.3. Nhu cầu về điện, nước.....	5
4.4. Danh mục sử dụng hóa chất, chất xúc tác cho hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.....	6
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	6
5.1. Các đối tượng xung quanh cơ sở.....	6
5.2. Tổng vốn đầu tư.....	7
5.3. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	7
5.3. Danh mục máy móc, thiết bị, dụng cụ.....	8
Chương II.....	9
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	9

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	9
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	9
2.1. Đối với môi trường nước thải sinh hoạt.....	10
2.2. Đối với môi trường không khí.....	10
2.3. Chất thải rắn.....	10
2.4. Tiếng ồn, độ rung.....	11
Chương III.....	13
<b>KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>13</b>
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	13
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	13
1.2. Thu gom, thoát nước thải sinh hoạt.....	13
1.3. Xử lý nước thải.....	14
2. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải.....	15
2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải.....	15
2.2. Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục.....	17
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.....	18
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt.....	18
3.2. Chất thải rắn sản xuất.....	18
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	19
5. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở.....	19
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố.....	20
Chương IV.....	22
<b>NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>22</b>
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	22
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	22
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	23
Chương V.....	24
<b>KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>24</b>

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường  
của Nhà máy xay xát, đánh bóng gạo

---

Chương VI.....	25
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	25
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải .....	25
1.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.....	25
1.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.....	25
2. Chương trình quan trắc chất thải (liên tục, tự động và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	25
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ .....	25
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	25
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.....	26
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm .....	26
CHƯƠNG VII .....	27
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ .....	27
Chương VIII .....	28
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ .....	28
PHỤ LỤC BÁO CÁO .....	29

---

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

<i>Từ viết tắt</i>	<i>Giải nghĩa từ</i>
<i>BTCT</i>	<i>Bê tông cốt thép</i>
<i>BTNMT</i>	<i>Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>
<i>CTNH</i>	<i>Chất thải nguy hại</i>
<i>PCCC</i>	<i>Phòng cháy chữa cháy</i>
<i>PTNMT</i>	<i>Phòng Tài nguyên và Môi trường</i>
<i>QCVN</i>	<i>Quy chuẩn Việt Nam</i>
<i>QĐ</i>	<i>Quyết định</i>
<i>TNHH</i>	<i>Trách nhiệm hữu hạn</i>
<i>UBND</i>	<i>Ủy ban nhân dân</i>
<i>VTNN</i>	<i>Vật tư nông nghiệp</i>
<i>XN</i>	<i>Xác nhận</i>

**DANH MỤC CÁC BẢNG**

Bảng 1 - Tọa độ các các điểm giới hạn vị trí của cơ sở .....	1
Bảng 2 - Các hạng mục công trình của cơ sở.....	7
Bảng 3 - Danh sách máy móc, thiết bị, dụng cụ tại cơ sở.....	8
Bảng 4 - Giá trị tối đa cho phép của các thông số .....	22
Bảng 5 - Giá trị giới hạn của tiếng ồn .....	23
Bảng 6 - Giá trị giới hạn của độ rung.....	23
Bảng 7 - Kết quả quan trắc không khí.....	24

**DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ**

Hình 1 – Sơ đồ giới hạn vị trí cơ sở .....	2
Hình 2 - Quy trình xay xát và đánh bóng của cơ sở .....	4
Hình 3 - Các đối tượng xung quanh cơ sở .....	7
Hình 4 - Sơ đồ quy trình thu gom và thoát nước mưa .....	13
Hình 5 - Sơ đồ thu gom và thoát nước thải sinh hoạt .....	14
Hình 6 - Cấu tạo hầm tự hoại 03 ngăn .....	14
Hình 7 – Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt .....	14
Hình 8 – Hình ảnh Cyclone tại khu vực xay xát và lau bóng .....	16
Hình 9 – Sơ đồ xử lý bụi và khí thải tại công đoạn xay xát và đánh bóng ....	17

## Chương I

### THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

#### 1. Tên chủ cơ sở

- Chủ cơ sở: CÔNG TY TNHH XNK VẠN HÒA.

- Địa chỉ liên hệ: Ấp Bình Thạnh 1, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện theo pháp luật: (Ông) Tôn Văn Bền; Chức danh: Giám đốc.

- Điện thoại: 02963 881408.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mã số doanh nghiệp 1600946009, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 2 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 8 năm 2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp cho Công ty TNHH XNK Vạn Hòa. Mã số thuế: 1600946009.

- Giấy chứng nhận đầu tư số 52121000125 chứng nhận lần đầu ngày 12 tháng 3 năm 2008 của UBND tỉnh AN Giang cấp.

#### 2. Tên cơ sở

- Nhà máy xay xát lúa, đánh bóng gạo có địa chỉ tại Ấp Bình Thạnh 1, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang với vị trí tiếp giáp như sau:

+ Phía Bắc giáp nhà máy xay xát.

+ Phía Nam và phía Tây tiếp giáp Xếp cùn An Thạnh.

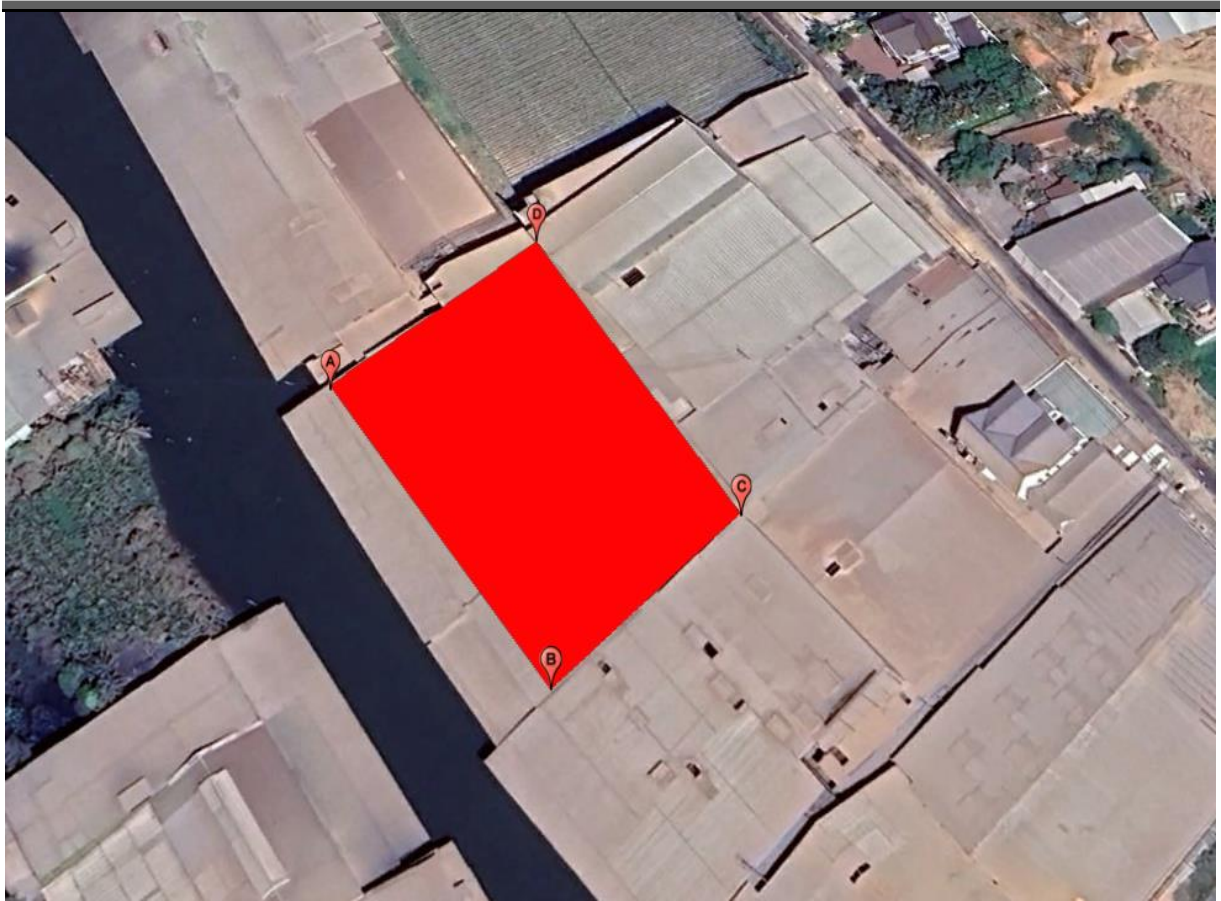
+ Phía Đông Nam tiếp giáp đất Công ty TNHH XNK Nguyễn Phú Tiến.

- Tọa độ các điểm giới hạn vị trí của cơ sở được thể hiện ở bảng sau:

**Bảng 1 - Tọa độ các các điểm giới hạn vị trí của cơ sở**

Tên điểm	Hệ tọa độ (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104°45', múi chiều 3°)	
	X (m)	Y (m)
A	0580463	1145267
B	0580150	1145204
C	0580549	1145239
D	0580507	1145304

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường  
của Nhà máy xay xát lúa, đánh bóng gạo



**Hình 1 – Sơ đồ giới hạn vị trí cơ sở**

- Quy mô của cơ sở:

+ Cơ sở thuộc nhóm III (quy định tại quy định tại điểm b, khoản 5 điều 28 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và thuộc số thứ tự số 2, mục II, phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022:

- Loại hình hoạt động của cơ sở là ngành công nghiệp (xay xát, lau bóng gạo) có tổng mức đầu tư là 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng) nên cơ sở thuộc nhóm C theo Luật Đầu tư công năm 2019.

- Loại hình hoạt động của cơ sở không thuộc phụ lục II – Danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ.

- Cơ sở không thuộc khoản 4 điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ (quy định dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường).

+ Cơ sở thuộc khoản 4 điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

➔ Do đó, Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy xay xát lúa, đánh bóng gạo được thực hiện theo mẫu phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị



định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ trình Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới thẩm định, cấp giấy phép.

### **3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở**

#### **3.1. Công suất của cơ sở**

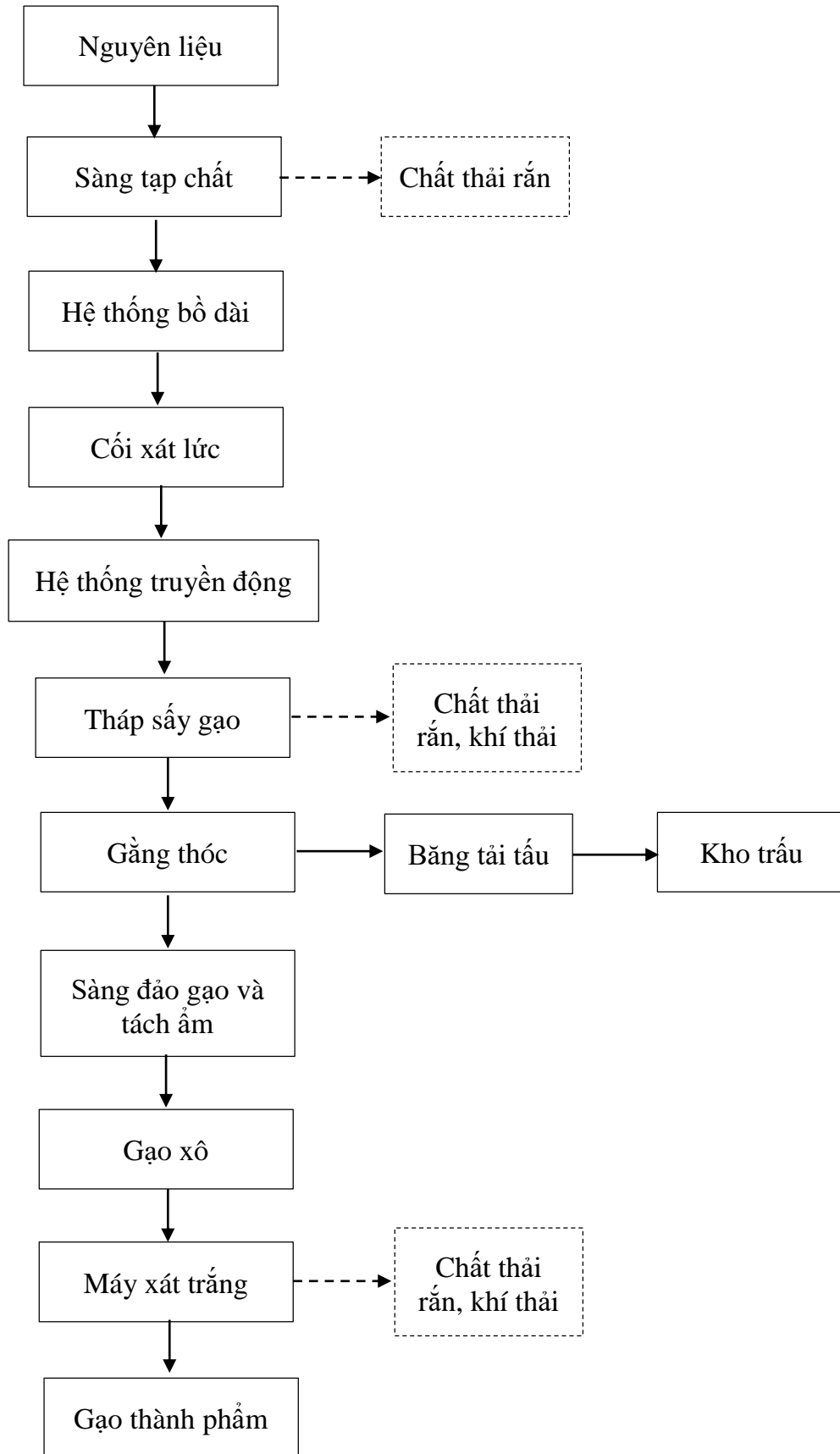
- Loại hình hoạt động: Xay xát và đánh bóng gạo.
- Nguồn nhân lực: 03 người làm việc liên tục và 10 người làm việc thời vụ.
- Công suất thiết kế: Khoảng 150 tấn lúa/năm.

*(Nguồn: Chủ cơ sở, năm 2024)*

- Thời gian hoạt động: Từ 07h00 – 18h00.

#### **3.2. Quy trình hoạt động của cơ sở**

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trường  
của Nhà máy xay xát lúa, đánh bóng gạo



Hình 2 - Quy trình xay xát và đánh bóng của cơ sở

### **Thuyết minh quy trình:**

Nguyên liệu của nhà máy là lúa được thu mua từ các tiểu thương trong và ngoài tỉnh đến nhà máy thuê xay xát, gia công sau khi thỏa thuận xong thì lúa được băng tải chuyển qua dây chuyền xay xát. Nguyên liệu được đưa lên phễu nhập liệu nhờ bộ đài chuyển sàng tạp chất. Tại đây tạp chất được tách ra và đi theo cửa tạp chất ra ngoài, lúa tiếp tục được chuyển từ hệ thống bộ đài sang cối xay lức nhằm nhiệm vụ tách vỏ, công nghệ tách vỏ được sử dụng bằng máy tách vỏ rulo cao su. Sau đó, nguyên liệu nhờ hệ thống truyền động chuyển sang tháp sấy gạo nhằm kiểm tra lại nguyên liệu nào còn sót có ẩm độ thấp, qua quá trình sấy sẽ làm cho nguyên liệu khô lại và dễ dàng tách vỏ trước khi chuyển qua khâu găng thóc. Tại đây, hỗn hợp và lúa còn sót lại sẽ đi qua thùng rây phân tách để trả lúa quay trở lại máy tách vỏ, phần gạo được chuyển qua găng để tiếp tục tách phần lấu còn sót và chuyển lúa về khâu tách vỏ, trấu được băng tải chuyển đến kho trấu còn phần gạo xô được lên băng tải đến kho chứa. Sau đó, gạo được chuyển sang khâu sàng đảo và tách tấm để giữ lại hạt gạo còn tấm được tách ra trong quá trình sàng cuối cùng được xô. Gạo xô được chuyển sang qua máy xát trắng, tại đây gạo sẽ được làm trắng nhờ sự ma sát giữa gạo với nhau, giữa gạo lức với lớp đá trên trục, trên lưới và giữa gạo lức với lưới làm bóc lớp cám ra khỏi hạt gạo. Sau cùng là thành gạo thành phẩm được lưu chứa trong các học chứa gạo.

### **3.3. Sản phẩm của cơ sở**

Sản phẩm của cơ sở khoảng 150 tấn gạo/năm và khoảng 36 tấn cám/năm (01 năm hoạt động tối đa 150 ngày).

## **4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở**

### **4.1. Nhu cầu về nguyên, vật liệu và hóa chất sử dụng trong hoạt động chuyên môn**

Nguyên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất của cơ sở chủ yếu là lúa tươi được thu mua từ các thương lái trong và ngoài khu vực cơ sở. Nhu cầu sử dụng của cơ sở khoảng 03 tấn lúa tươi/năm (Nguồn: chủ cơ sở, năm 2024).

### **4.2. Nhu cầu về nhiên liệu**

Không có.

### **4.3. Nhu cầu về điện, nước**

**Nhu cầu sử dụng điện:** Nguồn điện sử dụng tại cơ sở được lấy từ mạng lưới điện quốc gia được đấu nối để cung cấp, đảm bảo cho các hoạt động của cơ sở như thắp sáng, chạy các thiết bị, máy móc,... với nhu cầu sử dụng khoảng 45.600 kWh/tháng (Nguồn: Chủ cơ sở, 2024).

**Nhu cầu sử dụng nước:** Sử dụng nguồn nước từ Xí nghiệp cấp nước khu vực đảm bảo phục vụ cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt hàng ngày của nhân viên làm việc tại cơ sở.

- **Nhu cầu sử dụng nước thải sinh hoạt:** Theo QCVN 01:2021/BXD, tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt của khu vực nội thị đô thị phụ thuộc vào loại đô thị nhưng tối thiểu là 80 lít/người/ngày đêm. Cơ sở nằm trong khu vực xã Hoà An thuộc vùng nông thôn, chọn tiêu chuẩn cấp nước 80 lít/người/ngày đêm. Vậy, nhu cầu sử dụng nước được ước tính như sau:

$13 \text{ người} \times 80 \text{ lít/người/ngày đêm} = 1.040 \text{ lít/ngày đêm} = 10,4 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$

Như vậy, tổng lượng nước cấp cho cơ sở là **10,4 m<sup>3</sup>/ngày đêm**.

#### **4.4. Danh mục sử dụng hóa chất, chất xúc tác cho hệ thống xử lý nước thải của cơ sở**

Không có.

### **5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở**

#### **5.1. Các đối tượng xung quanh cơ sở**

Vị trí cơ sở có các môi tương quan với các đối tượng xung quanh như sau:

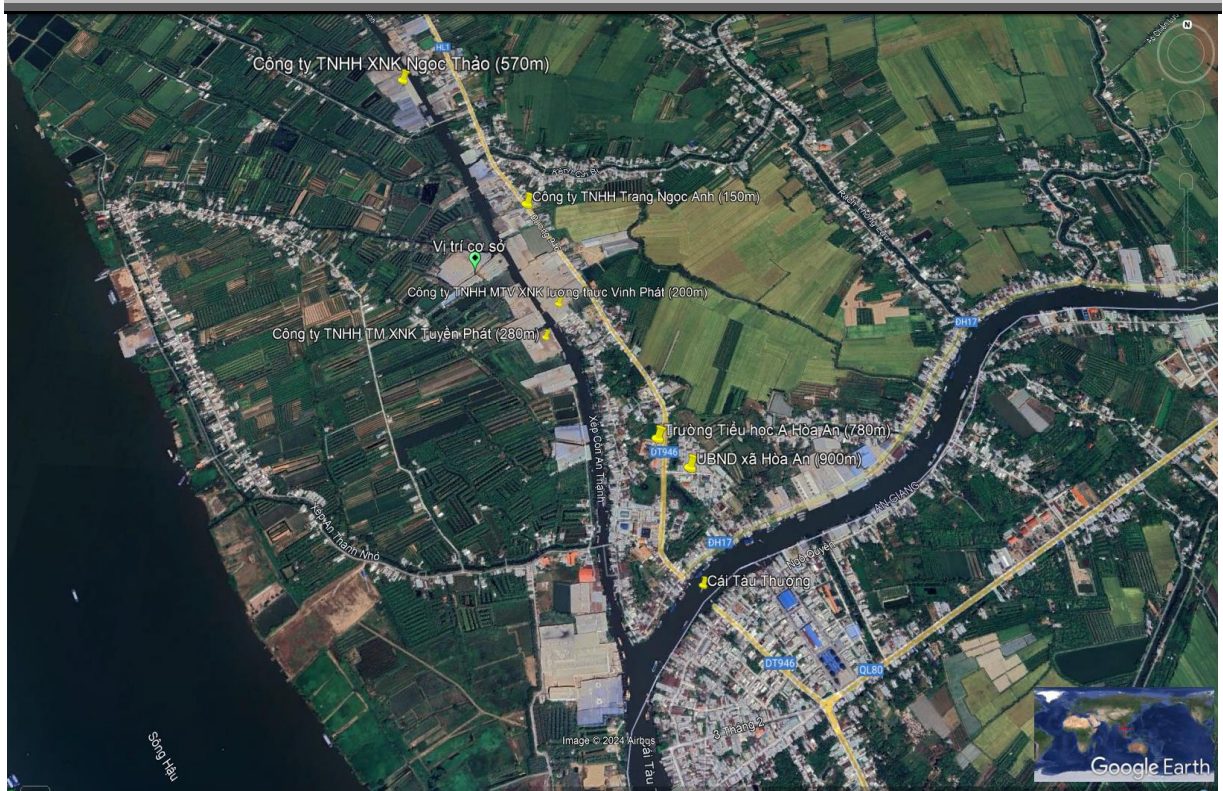
- Hiện trạng giao thông: Cách cơ sở khoảng 80m theo hướng Tây Bắc là đường tỉnh 946, được bê tông hoàn chính, là tuyến đường bộ chính để vào khu vực dự án.

- Hiện trạng kênh, rạch: Phía Tây tiếp giáp với cơ sở là Xếp Cồn An Thạnh, là tuyến đường giao thông thủy phục vụ cho hoạt động của dự án; cách sông Hậu khoảng 1,1km Theo hướng Tây Nam và cách Rạch Cái Tàu Thượng tại điểm giao với Xếp Cồn An Thạnh khoảng 1,2km theo hướng Đông Nam. Ngoài ra, xung quanh cơ sở có các kênh, rạch nhỏ.

- Các đối tượng xung quanh khác: Cơ sở tiếp giáp với Công ty TNHH XNK Nguyễn Phú Tiến, cách Công ty TNHH MTV XNK lương thực Vinh Phát khoảng 700m, cách Trường Tiểu học A Hoà An khoảng 637m và UBND xã Hoà An khoảng 865m cùng theo hướng Đông Nam; Cơ sở cách Công ty TNHH TM XNK Tuyên Phát khoảng 203m theo hướng Nam; Cơ sở cách Công ty TNHH XNK Ngọc Thảo khoảng 873m, cách và cách Công ty TNHH Trang Ngọc Anh khoảng 199m cùng theo hướng Tây Bắc; Cơ sở cách Công ty TNHH Lương thực Bền Linh khoảng 80m theo hướng Tây.

- Trong phạm vi 1,0 km xung quanh cơ sở không có khu vực ưu tiên bảo vệ như rừng ngập mặn, dải san hô, khu bảo tồn sinh thái, khu dự trữ sinh quyển.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trường  
của Nhà máy xay xát lúa, đánh bóng gạo



**Hình 3 - Các đối tượng xung quanh cơ sở**

**5.2. Tổng vốn đầu tư**

Tổng mức đầu tư của cơ sở là 4.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ đồng) bao gồm chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, mua nguyên, nhiên, vật liệu, chi phí bảo vệ môi trường và chi phí dự phòng.

**5.3. Các hạng mục công trình của cơ sở**

Tổng diện tích hoạt động của cơ sở là 971m<sup>2</sup>, với các hạng mục công trình như sau:

**Bảng 2 - Các hạng mục công trình của cơ sở**

Stt	Tên hạng mục công trình	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
1	Khu vực xay xát và lau bóng	761,8	-
2	Khu vực chứa gạo	15	-
3	Khu vực chứa cám	10	-
4	Kho chứa trấu	570	Hạng mục không thuộc phạm vi của cơ sở
5	Phòng làm việc	12	
6	Lối đi nội bộ	184,2	-
<b>Tổng</b>		<b>971</b>	<b>-</b>

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2024)

### 5.3. Danh mục máy móc, thiết bị, dụng cụ

Danh sách máy móc thiết, thiết bị, dụng cụ phục vụ cho quá trình sản xuất của cơ sở được trình bày trong bảng sau:

**Bảng 3 - Danh sách máy móc, thiết bị, dụng cụ tại cơ sở**

Stt	Máy móc, thiết bị, dụng cụ	Đơn vị	Số lượng
1	Cối lức	Cái	08
2	Cối rulo	Cái	04
3	Găng	Máy	01
4	Hệ thống Cyclon	Hệ thống	01
5	Băng tải	Cái	02
6	Bò đai	Cái	14
7	Moteur	Máy	02

(Nguồn: Chủ cơ sở, năm 2024)

## Chương II

### SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

#### 1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở hoàn toàn phù hợp với các quy hoạch phát triển trên địa bàn huyện Chợ Mới nói riêng và tỉnh An Giang nói chung như:

- Cơ sở thực hiện trên thửa đất số 4708 số 4715 thuộc quyền sở hữu của chủ cơ sở với địa chỉ thuộc ấp Bình Thạnh 1, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên vị trí hoạt động của cơ sở là phù hợp (*đính kèm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phía sau phần phụ lục của báo cáo*).

- Phù hợp với phù hợp với Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08 ngày 7 năm 2024 của Thủ Tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 80/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang Ban hành quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang. Đồng thời, cơ sở cũng không thuộc các đối tượng được quy định tại Phụ lục 1 – Danh mục cơ sở bắt buộc bố trí vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2021 UBND tỉnh An Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 80/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh nên việc lựa chọn vị trí thực hiện cơ sở là phù hợp với quy định hiện hành.

- Phù hợp với Quy hoạch theo Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt “Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Chợ Mới đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

#### 2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Cơ sở hoàn toàn phù hợp đối với khả năng chịu tải của môi trường. Các chất thải phát sinh (nước thải, khí thải, chất thải rắn thải, tiếng ồn) được áp dụng các biện pháp xử lý, giảm thiểu theo đúng quy định, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường, cụ thể như sau:

## **2.1. Đối với môi trường nước thải sinh hoạt**

Nước thải sinh hoạt của công, nhân viên và thương lái được thu gom ống nhựa PVC đường kính 90 mm và xử lý bằng 02 hầm tự hoại 03 ngăn (mỗi hầm tự hoại có thể tích thể tích  $V = 11,25\text{m}^3$ , kích thước dài x rộng x cao = 2,5m x 3m x 1,5m, kết cấu BTCT). Nước thải sinh sau xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn qua hố ga để tiếp tục xử lý các chất ô nhiễm còn lại như cát, chất rắn lơ lửng, các chất ô nhiễm khác... trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

## **2.2. Đối với môi trường không khí**

Khí thải phát sinh tại khu vực xay xát và đánh bóng sẽ được thu gom và xử lý bằng hệ thống Cyclone kiểu lọc bụi khô nhằm đảm bảo khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi thoát ra môi trường.

### **2.2.3. Khí thải từ các phương tiện giao thông**

Để giảm thiểu nồng độ bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông đến mức thấp nhất, chủ cơ sở đã thực hiện thêm một số biện pháp như sau:

- Sử dụng nhiên liệu đạt tiêu chuẩn cho các phương tiện vận chuyển.
- Bê tông hóa lối đi nội bộ.
- Bố trí nhân viên thường xuyên vệ sinh sân bãi, nhằm giảm lượng bụi phát sinh do các phương tiện vận chuyển tác động.

## **2.3. Chất thải rắn**

### **2.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt**

Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và theo hướng dẫn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt gồm: (1) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; (2) Chất thải thực phẩm; (3) Chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Đối với chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế như giấy, lon nhôm, chai nhựa,... sẽ được thu gom về 02 thùng chứa loại 25 lít. Sau đó bán lại cho các xe thu mua hoặc đem đến cơ sở thu mua phế liệu tại địa phương, định kỳ 1 tuần/lần.

- Đối với chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác sẽ được thu gom chung vào 02 thùng chứa loại 25 lít. Sau đó được xe thu gom rác địa phương đến thu gom, xử lý theo quy định, tần suất 1 lần/ngày.

### **2.3.2. Chất thải sản xuất**

- Trấu: Bố trí kho chứa trấu có diện tích  $570\text{ m}^2$  (30m x 19m), vị trí kho trấu



không thuộc phạm vi của nhà máy, kho trấu đặt tại Công ty TNHH XNK **Nguyễn Phú Tiến (thuộc quyền quản lý của ông Tôn Văn Bền** – Giám đốc Công ty TNHH XNK Vạn Hoà). Nền kho được kết cấu bằng bê tông chống thấm, xung quanh xây tường cao 1,5m phần còn lại vữa vach tole che chắn kín, mái lợp tole. Sau đó, lượng trấu sẽ được lại bán cho đơn vị thu mua.

- Cám: Thu gom vào bao chứa, để khu vực trống phía trước kho chứa trấu với diện tích 10m<sup>2</sup>, nền láng xi măng, có mái che. Định kỳ bán cho các cơ sở có nhu cầu sử dụng khoảng 01 tuần/lần.

- Dây buộc, bao bì hỏng: Được thu gom cho vào bao và chứa khu vực trống gần kho trấu, nền láng xi măng, có mái che. Bán phế liệu. Định kỳ: 01 tuần/lần.

- Tạp chất (Rom rạ, đất, sạn,...): Thu gom vào bao chứa, để khu vực trống gần lò sấy và hợp đồng với đơn vị đủ chức năng đến thu gom, xử lý.

### **2.3.2. Chất thải nguy hại**

Chủ cơ sở trang bị 03 thùng chứa 90 lít, có nắp đậy, dán nhãn chất thải nguy hại đặt tại khu vực chứa CTNH, diện tích 4,0m<sup>2</sup>, mái tole, vach xi măng, đảm bảo kín tránh mưa gió, không bị ngập úng, nền tráng xi măng, không thấm thấu, phía trước cửa ra vào có dán biển báo chất thải nguy hại. Khi số lượng đủ lớn sẽ hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại định kỳ đúng quy định theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tối thiểu 1 lần/năm.

### **2.4. Tiếng ồn, độ rung**

Chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung như sau:

- Bảo dưỡng thay thế phụ tùng thiết bị đúng quy trình của nhà sản xuất.
- Kiểm tra định kỳ các thông số kỹ thuật về mức độ ồn trong xưởng sản xuất nhằm đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động.
- Sử dụng đệm cao su chống rung cho chân các thiết bị, máy móc.
- Giữ gìn, bảo dưỡng máy móc, thiết bị luôn ở trạng thái tốt.
- Kiểm tra kỹ độ cân bằng khi lắp đặt; kiểm tra, bảo trì định kỳ; thường xuyên bôi trơn và thay thế, sửa chữa các thiết bị hư hỏng hoặc có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, ổn định.
- Bố trí thời gian nghỉ ngơi cho công nhân theo đúng quy định.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

**Kết luận:** Các chất thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở ảnh hưởng không đáng kể đến khả năng chịu tải của môi trường.

### Chương III

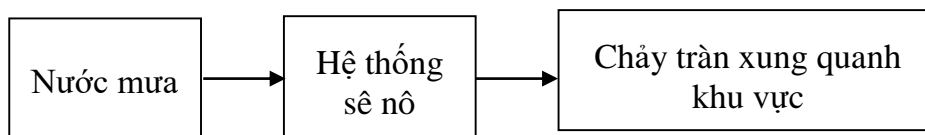
## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

#### 1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa phát sinh do điều kiện môi trường tự nhiên (chế độ mưa hàng năm) sẽ theo độ dốc mái nhà của cơ sở xuống sân nền. Sau đó, nước mưa sẽ chảy tràn trên sân nền và chảy tràn xung quanh khu vực.

Sơ đồ hệ thống thu gom và thoát nước mưa được trình bày cụ thể như sau:



**Hình 4 - Sơ đồ quy trình thu gom và thoát nước mưa**

Vị trí xả thải nước mưa thuộc ấp Bình Thạnh 1, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

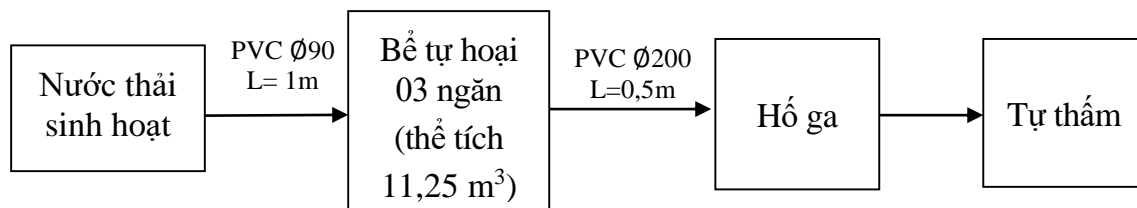
#### 1.2. Thu gom, thoát nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở sẽ được thu gom bằng ống nhựa PVC Ø90, chiều dài 1,0m và xử lý bằng 02 hầm tự hoại 03 ngăn (mỗi hầm tự hoại có thể tích thể tích  $V = 11,25m^3$ , kích thước dài x rộng x cao = 2,5m x 3m x 1,5m, kết cấu BTCT). Nước thải sinh sau xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn sẽ theo đường ống nhựa PVC Ø90, chiều dài 0,5m dẫn vào hố ga để tiếp tục xử lý các chất ô nhiễm còn lại như cát, chất rắn lơ lửng, các chất ô nhiễm khác... trước khi thải ra môi trường dưới dạng tự thấm.

Thông số kỹ thuật:

- Ống thu gom nước thải sinh hoạt của hầm tự hoại: Ống nhựa PVC Ø90, chiều dài 1,0m.
- Ống thoát nước thải từ hầm tự hoại ra hố ga: Ống nhựa PVC Ø90, chiều dài 0,5m.
- Hố ga: Kích thước 0,8m x 0,8m.

Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải được trình bày cụ thể như sau:



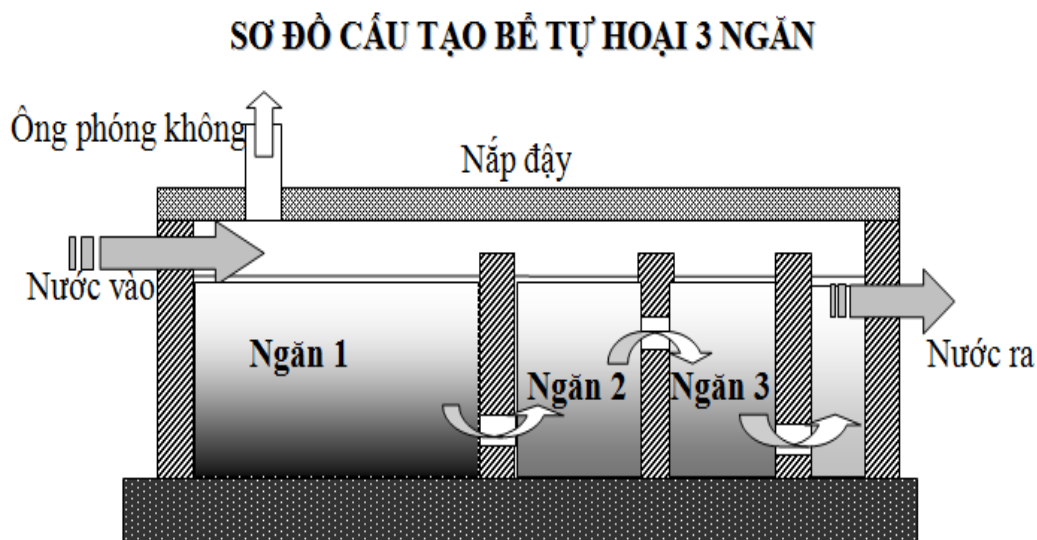
**Hình 5 - Sơ đồ thu gom và thoát nước thải sinh hoạt**

Vị trí xả thải nước thải sinh hoạt thuộc ấp Bình Thạnh 1, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

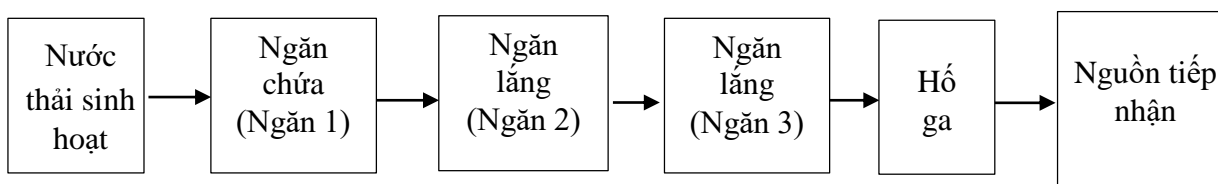
### 1.3. Xử lý nước thải

#### 1.3.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

Công nghệ xử lý: Xử lý bằng phương pháp sinh học.



**Hình 6 - Cấu tạo hầm tự hoại 03 ngăn**



**Hình 7 – Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt**

#### *Thuyết minh quy trình:*

Hầm tự hoại là công trình xử lý nước thải sơ bộ, đồng thời thực hiện 02 chức năng: lắng nước thải và lên men cặn.

Trong quá trình chuyển động, các hạt cặn sẽ chịu tác dụng của trọng lực, lắng dần xuống đáy hầm. Chất hữu cơ trong cặn lắng sẽ bị phân hủy nhờ hoạt động của các vi sinh vật yếm khí. Nhờ vậy, cặn sẽ lên men, mất mùi hôi và giảm thể tích. Tốc độ lên men nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải,

lượng vi sinh vật có trong lớp cặn,... Nhiệt độ càng cao tốc độ lên men cặn càng nhanh, kết quả của quá trình lên men cặn sẽ xử lý được cặn tươi, các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy thành các chất đơn giản gồm H<sub>2</sub>O, CO<sub>2</sub>, CH<sub>4</sub>,... Độ ẩm cặn tươi vào hầm và cặn khi lên men tương ứng là 95% và 90%. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý bằng hầm tự hoại 03 ngăn qua hố ga để tiếp tục xử lý rồi theo đường ống thoát ra nguồn tiếp nhận.

Ưu điểm: Cấu tạo đơn giản và có hiệu quả xử lý tương đối cao nên được sử dụng rất phổ biến. Kết quả ứng dụng vào thực tế cho thấy, hiệu quả xử lý các chất hữu cơ và các chất rắn lơ lửng đạt giá trị cao và ổn định, mặc dù có sự dao động về lưu lượng và nồng độ nước thải giữa các thời điểm trong ngày: Hiệu quả xử lý hầm tự hoại: Chất rắn lơ lửng đạt 87 – 88% và BOD<sub>5</sub> đạt 63 – 77%, xử lý nitơ đạt 66% (Nguồn: PGS.TS Hoàng Văn Huệ, Thoát nước tập 2, Kỹ thuật xử lý nước thải). Thường xuyên kiểm tra và hút bùn bể tự hoại (6 tháng/lần) để tăng hiệu quả xử lý của hầm tự hoại.

Thường xuyên kiểm tra và hút bùn bể tự hoại (6 tháng/lần) để tăng hiệu quả xử lý của hầm tự hoại.

Số lượng hầm tự hoại 03 ngăn là 02 hầm, mỗi hầm tự hoại có thể tích 11,25 m<sup>3</sup> (kích thước 2,5m x 3m x 1,5m). Kết cấu hầm tự hoại: BTCT, đan nắp đá 1x2, M200, mặt ngoài và trong của bể đều được trát vữa M150, dày 15mm.

Công nghệ không sử dụng hóa chất, chế phẩm sinh học cũng như không tiêu hao về điện năng.

Tuy nhiên, vị trí nhà vệ sinh và hầm tự hoại không thuộc phạm vi của nhà máy, vị trí bố trí tại Công ty TNHH XNK Nguyên Phú Tiến (thuộc quyền quản lý của ông Tôn Văn Bền – Giám đốc Công ty TNHH XNK Vạn Hoà).

### **1.3.2. Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải liên tục, tự động**

Cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải liên tục, tự động nên không có các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải liên tục, tự động.

## **2. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải**

### **2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải**

#### **2.1.1. Bụi và khí thải tại khu vực xay sát và lau bóng**

- Công trình thu gom bụi và khí thải:
  - + Đường ống dẫn khí (nhiệt): Kết cấu bằng tole, đường kính 120 mm và dài khoảng 50 m.
  - + Hệ thống Cylone: kết cấu bằng thép, đường kính từ 0,8m và chiều cao tổng cộng từ 1,6 m.
- Công trình xử lý bụi và khí thải bằng Cylone:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường  
của Nhà máy xay lúa, đánh bóng gạo

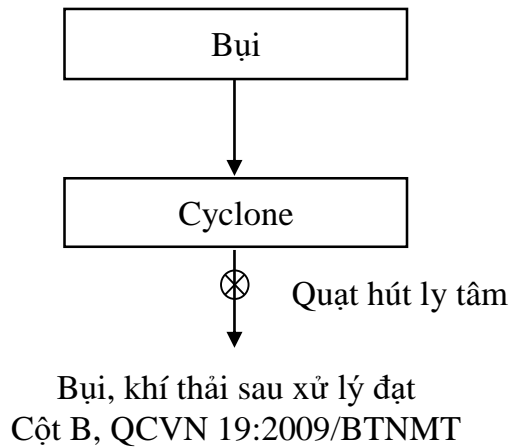
---

- + Công dụng: thu bụi; dưới tác dụng của trọng lực bụi sẽ lắng xuống đáy cyclone và sau đó cho vào bao chứa và lưu giữ tại khu vực chứa.
- + Quy mô: 01 hệ thống Cyclone.
- + Công suất: Vận tốc khoảng 17 – 25 m/s.
- + Lưu lượng thiết kế: 5.000 m<sup>3</sup>/h.



**Hình 8 – Hình ảnh Cyclone tại khu vực xay xát và lau bóng**

*Quy trình vận hành công trình xử lý bụi và khí thải bằng Cyclone*



**Hình 9 – Sơ đồ xử lý bụi và khí thải tại công đoạn xay xát và đánh bóng**

***Thuyết minh quy trình:***

Bụi phát sinh từ quá trình xay xát và lau bóng của cơ sở; cơ sở sử dụng cyclone để thu bụi thông qua đường ống kết nối giữa cyclone và vị trí bụi phát sinh, dưới lực hút của quạt hút bụi sẽ dẫn về cyclone. Bụi được dẫn vào cyclone tại đây dựa trên lực ly tâm khi dòng khí chuyển động xoay trong thân thiết bị theo phương tiếp tuyến. Dưới tác dụng của lực ly tâm các hạt bụi bị văng về phía thành cyclone và tách khỏi dòng khí. Khí tiếp tục chuyển hướng 180° và đi ra khỏi cyclone qua ống thu khí đặt theo trục đứng của cyclone. Các hạt bụi sau khi đến thành cyclone chuyển động về phía ống thu bụi và bụi được lấy ra ngoài. Lượng bụi phát sinh đảm sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (cột B).

**2.1.2. Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông**

Phát sinh từ các phương tiện giao thông của nhân viên làm việc và các thương lái. Các nguồn này phát sinh không thường xuyên, không liên tục, chỉ diễn ra trong thời gian ngắn nên ảnh hưởng không đáng kể đến môi trường không khí và người dân xung quanh khu vực. Tuy nhiên, chủ cơ sở đã thực hiện thêm một số biện pháp nhằm giảm thiểu tác động từ nguồn này như sau:

- Sử dụng nhiên liệu đạt tiêu chuẩn cho các phương tiện vận chuyên.
- Bê tông hóa lối đi nội bộ.
- Bố trí nhân viên thường xuyên vệ sinh sân bãi, nhằm giảm lượng bụi phát sinh do các phương tiện vận chuyên tác động.

**2.2. Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục**

Cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc khí thải liên tục, tự động nên không có các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải liên tục, tự động.



### 3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

#### 3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

**Nguồn phát sinh:** Chủ yếu phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của nhân viên làm việc tại cơ sở.

**Thành phần:** Bao bì, túi nylon, giấy, vỏ trái cây, thực phẩm dư thừa,...

**Thải lượng:** Phát sinh thực tế khoảng 1,8 kg/ngày (*Nguồn: Chủ cơ sở, năm 2024*).

#### **Công trình lưu giữ và biện pháp xử lý:**

Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và theo hướng dẫn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt gồm: (1) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; (2) Chất thải thực phẩm; (3) Chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Đối với chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế như giấy, lon nhôm, chai nhựa,... sẽ được thu gom về 02 thùng chứa loại 25 lít. Sau đó bán lại cho các xe thu mua hoặc đem đến cơ sở thu mua phế liệu tại địa phương, định kỳ 1 tuần/lần.

- Đối với chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác sẽ được thu gom chung vào 02 thùng chứa loại 25 lít. Sau đó được xe thu gom rác địa phương đến thu gom, xử lý theo quy định, tần suất 1 lần/ngày.

#### 3.2. Chất thải rắn sản xuất

**Thành phần:** Trấu, cám, dây buộc, bao bì hỏng, tro, tạp chất phát sinh từ các sàng tạp chất của các dây chuyền sản xuất như rơm rạ, đất, sạn,...

#### **Thải lượng:**

+ Cám phát sinh khoảng 100 kg/ngày, tương đương khoảng 3.000 kg/tháng và khoảng 9.000 kg/quý.

+ Dây buộc, bao bì hỏng phát sinh khoảng 1,5 kg/ngày, tương đương khoảng 45 kg/tháng và khoảng 0,225 tấn/quý.

+ Tạp chất (rơm rạ, đất, sạn,...) phát sinh khoảng 10 kg/tháng, tương đương khoảng 300 kg/tháng và khoảng 900 kg/quý.

#### **Công trình lưu giữ và biện pháp xử lý:**

- Trấu: Bố trí kho chứa trấu có diện tích 570 m<sup>2</sup> (30m x 19m), vị trí kho trấu



không thuộc phạm vi của nhà máy, kho trấu đặt tại Công ty TNHH XNK Nguyễn Phú Tiến (thuộc quyền quản lý của ông Tôn Văn Bền – Giám đốc Công ty TNHH XNK Vạn Hoà). Nền kho được kết cấu bằng bê tông chống thấm, xung quanh xây tường cao 1,5m phần còn lại vữa vách tole che chắn kín, mái lợp tole. Sau đó, lượng trấu sẽ được lại bán cho đơn vị thu mua.

- Cám: Thu gom vào bao chứa, để khu vực trống phía trước kho chứa trấu với diện tích 10m<sup>2</sup>, nền láng xi măng, có mái che. Định kỳ bán cho các cơ sở có nhu cầu sử dụng khoảng 01 tuần/lần.

- Dây buộc, bao bì hỏng: Được thu gom cho vào bao và chứa khu vực trống gần kho trấu, nền láng xi măng, có mái che. Bán phế liệu. Định kỳ: 01 tuần/lần.

- Tạp chất (Rơm rạ, đất, sạn,...): Thu gom vào bao chứa, để khu vực trống gần lò sấy và hợp đồng với đơn vị đủ chức năng đến thu gom, xử lý.

#### **4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại**

**Nguồn phát sinh:** Từ quá trình thấp sáng cho hoạt động sản xuất, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc,...

**Thành phần:** Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang thải, que hàn....

**Thải lượng:** Phát sinh khoảng 5,5 kg/năm. Trong đó các chất thải nguy hại phát sinh bao gồm:

- Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại (mã CTNH: 18 02 01) phát sinh khoảng 3,0 kg/năm.

- Bóng đèn huỳnh quang thải (mã CTNH: 16 01 06) phát sinh khoảng 0,5 kg/năm.

- Que hàn (mã CTNH: 07 04 01) phát sinh khoảng 2,0 kg/năm.

**Công trình lưu giữ và biện pháp xử lý:** Chủ cơ sở trang bị 01 thùng chứa 120 lít, có nắp đậy, dán nhãn chất thải nguy hại đặt tại khu vực chứa CTNH, diện tích 4,0m<sup>2</sup>, mái tole, vữa xi măng, đảm bảo kín tránh mưa gió, không bị ngập úng, nền tráng xi măng, không thấm thấu, phía trước cửa ra vào có dán biển báo chất thải nguy hại. Khi số lượng đủ lớn sẽ hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại định kỳ đúng quy định theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tối thiểu 1 lần/năm.

#### **5. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở**

**Nguồn phát sinh:** Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ vận hành máy móc thiết bị trong dây chuyền hoạt động của cơ sở: dây chuyền xay xát, sấy, vận hành băng

chuyển thành phẩm,... và từ phương tiện giao thông của nhân viên trong cơ sở.

***Biện pháp giảm thiểu:***

- Bảo dưỡng thay thế phụ tùng thiết bị đúng quy trình của nhà sản xuất.
- Kiểm tra định kỳ các thông số kỹ thuật về mức độ ồn trong xưởng sản xuất nhằm đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động.
- Sử dụng đệm cao su chống rung cho chân các thiết bị, máy móc.
- Giữ gìn, bảo dưỡng máy móc, thiết bị luôn ở trạng thái tốt.
- Kiểm tra kỹ độ cân bằng khi lắp đặt; kiểm tra, bảo trì định kỳ; thường xuyên bôi trơn và thay thế, sửa chữa các thiết bị hư hỏng hoặc có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, ổn định.
- Bố trí thời gian nghỉ ngơi cho công nhân theo đúng quy định.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

**6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố**

**6.1. Sự cố cháy nổ**

Bố trí máy móc, thiết bị, gọn gàng tạo khoảng cách an toàn cho đối các khu vực dễ nổ.

Hệ thống dẫn điện, cầu dao điện phải được bố trí an toàn hợp lý và đúng quy định.

Trang bị bình chữa cháy cầm tay và bố trí ở những vị trí dễ phát sinh cháy nổ, kịp thời ứng phó khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

Tuân thủ nghiêm chỉnh hướng dẫn, nội quy, quy định về PCCC trong suốt quá trình hoạt động.

Cấm hút thuốc, sử dụng lửa gần các khu vực dễ xảy ra cháy nổ như khu vực chứa nguyên, vật liệu, trấu,...

Chủ cơ sở và nhân công lao động thường xuyên tham gia các lớp huấn luyện về PCCC, để ứng phó kịp thời khi xảy ra sự cố.

Vận hành máy móc, thiết bị đúng kỹ thuật, tránh sử dụng quá tải. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

**6.2. Tai nạn lao động**

Lập nội quy lao động, bố trí và phân công trách nhiệm đối với mỗi người lao động, đảm bảo công việc phù hợp với tay nghề và kinh nghiệm làm việc. Công

nhân hoặc cán bộ vận hành máy được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố.

Thường xuyên nhắc nhở công nhân viên có ý thức tự bảo vệ mình trong quá trình làm việc. Thực hiện các thao tác đúng kỹ thuật, cẩn thận

Công nhân làm việc được trang bị bảo hộ lao động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được phân công

Trang bị bảo hộ lao động như khẩu trang chuyên dụng, nón bảo hộ,... cho người lao động.

Nghiêm cấm người lao động làm việc khi trong người đang có chất kích thích như sử dụng rượu, bia,...

Thực hiện trách nhiệm đối với người lao động thông qua bảo hiểm, tổ chức khám sức khỏe định kỳ và các chế độ khác theo Luật lao động hiện hành

Trang bị tủ thuốc tại chỗ để đáp ứng kịp thời khi xảy ra sự cố.

### **6.3. Sự cố sạt lở bờ sông**

Xây dựng bờ kè BTCT vững chắc cho toàn bộ hoạt động ra vào dọc theo khu vực cơ sở. Thường xuyên kiểm tra, duy tu, gia cố các vị trí bị hỏng hóc.

Phối hợp, điều hành các phương tiện thủy ra vào kho nhíp nhàng, tránh các va chạm mạnh gây nứt vỡ dễ dẫn đến sập, sạt lở bờ kè ảnh hưởng đến chứa năng bảo vệ đường bờ có thể gây sạt lở bờ sông.

Trong phạm vi bảo vệ kè, cơ sở yêu cầu không thực hiện các hành vi sau đây: Để vật liệu, phương tiện, thiết bị gây sạt lở kè; Neo, buộc phương tiện; Sử dụng chất nổ, khai thác khoáng sản hoặc có hành vi khác gây ảnh hưởng đến kè.

### **6.4. Sự cố tai nạn giao thông và sự cố khi vận chuyển, lên xuống hàng**

Xây dựng điểm tập kết, neo đậu phương tiện thủy hợp lý, không gây ảnh hưởng đến phạm vi luồng tàu chạy và đảm bảo độ an toàn về hành lang bảo vệ sông.

Sắp xếp, bố trí phương tiện ra vào hợp lý, tránh tập trung nhiều loại phương tiện cùng lúc, không có chỗ neo đậu, lấn chiếm khu vực luồng tàu chạy ảnh hưởng đến sự qua lại của các loại phương tiện thủy khác.

Nhắc nhở các tàu, ghe tuyệt đối tuân thủ luật an toàn giao thông đường thủy theo quy định.

## Chương IV

### NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

#### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Không có.

#### 2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

**Nguồn phát sinh:** 01 nguồn gồm:

- 01 nguồn khí thải từ hệ thống Cyclone.

**Lưu lượng xả thải tối đa đề nghị cấp phép:**

- Khí thải phát sinh từ hệ thống Cyclone (theo lưu lượng thiết kế) là 5.000 m<sup>3</sup>/giờ.

**Dòng nước thải đề nghị cấp phép:**

- 01 dòng khí thải từ hệ thống Cyclone trước khi thoát ra môi trường.

**Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:**

Khí thải từ hệ thống Cyclone: Giá trị tối đa của các thông số khí thải trước khi thoát ra môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với hệ số K<sub>p</sub> = 1 (Do lưu lượng của cơ sở từ 5.000 m<sup>3</sup>/giờ < 20.000 m<sup>3</sup>/giờ theo Bảng 2 của QCVN 19:2009/BTNMT) và hệ số K<sub>v</sub> = 1,2 (Do cơ sở thuộc vùng nông thôn căn cứ vào bảng 3 của QCVN 19:2009/BTNMT). Cụ thể như sau:

**Bảng 4 - Giá trị tối đa cho phép của các thông số**

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240
2	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/m <sup>3</sup>	1.020
3	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	600
4	CO	mg/m <sup>3</sup>	1.200

**Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận khí thải:**

- Vị trí xả thải khí thải: 01 vị trí.

+ Vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô

cơ, cột B thoát ra môi trường tại ấp Bình Thạnh 1, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

+ Tọa độ vị trí khí thải: X (m) = 0580513; Y (m) = 1145245 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến  $104^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

- Phương thức xả nước thải nước thải: Thoát khí tự nhiên.
- Chế độ xả thải: 12 giờ/ngày.

### 3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

#### *Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung*

Nguồn số 01: Nguồn ồn, độ rung từ hoạt động của các máy móc, thiết bị phục vụ quá trình sản xuất và thiết bị tại khu vực xay xát và đánh bóng.

#### *Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, động rung*

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**Bảng 5 - Giá trị giới hạn của tiếng ồn**

STT	Từ 6 giờ-21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**Bảng 6 - Giá trị giới hạn của độ rung**

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	Từ 6 giờ-21 giờ	Từ 21 giờ-6 giờ	-	Khu vực thông thường
	70	60		

#### *Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung*

Tọa độ vị trí phát sinh: Ấp Bình Thạnh 1, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. với tọa độ X (m): 0580511; Y (m): 114563 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục  $104^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

## Chương V

### KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

#### 1. Kết quả quan trắc môi trường đối với nước thải

Không có.

#### 2. Kết quả quan trắc môi trường đối với bụi, khí thải

Trong năm 2023, cơ sở đã thực hiện quan trắc môi trường định kỳ, cụ thể như sau:

- Thời gian quan trắc: Ngày 16/3/2023.
- Tần suất quan trắc: 01 lần/năm.
- Vị trí giám sát: Khu vực nhà dân tiếp giáp với công ty
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 01 mẫu.
- Thông số giám sát: Bụi; tiếng ồn.
- Quy chuẩn so sánh:

**Bảng 7 - Kết quả quan trắc không khí**

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	61,5	-	≤70
2	Bụi	mg/m <sup>3</sup>	0,119	0,3	-

(Nguồn: Báo cáo giám sát chất lượng môi trường năm 2023 Nhà máy xay lúa, lau bóng gạo, 2023)

**Ghi chú:** Dấu “-”: Không so sánh.

**Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:** Qua kết quả phân tích mẫu không khí tại khu vực nhà dân tiếp giáp với công ty cho thấy: Giá trị của thông số Bụi nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 05:2013/BTNMT và giá trị của thông số tiếng ồn nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 26:2010/BTNMT. Do đó, chất lượng không khí tại vị trí quan trắc chưa có dấu hiệu ô nhiễm, hoạt động của cơ sở không ảnh hưởng đến người dân xung quanh.

## Chương VI

### CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

#### 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

##### 1.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải

Không có

##### 1.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ thì hệ thống bụi tại cơ sở là hệ thống Cyclone đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý luôn đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi thoát ra môi trường không khí xung quanh. Do đó, Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý môi trường.

#### 2. Chương trình quan trắc chất thải (liên tục, tự động và định kỳ) theo quy định của pháp luật

##### 2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Cơ sở không thuộc loại hình phải thực hiện quan trắc chất thải định kỳ (theo khoản 2 điều 111 và khoản 2 điều 112 Luật bảo vệ môi trường năm 2020). Tuy nhiên, Chủ cơ sở đề xuất chương trình giám sát môi trường định kỳ như sau:

##### ❖ Quan trắc không khí xung quanh

Số lượng mẫu: 01 mẫu.

Vị trí quan trắc: Tại khu vực xay xát và đánh bóng.

Thông số giám sát: Tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, SO<sub>2</sub>, CO, NO<sub>2</sub>.

Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

##### 2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc loại hình phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất thải (theo khoản 1, điều 111 và khoản 1 điều 112 Luật bảo vệ môi trường năm 2020).

### **2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở**

Giám sát chất thải rắn sinh hoạt: Chủ cơ sở thu gom, thống kê thành phần, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng đến thu gom, xử lý với tần suất thu gom, xử lý 01 lần/ngày. Chủ cơ sở sẽ báo cáo về các cơ quan quản lý nhà nước thông qua Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ 1 lần/năm theo đúng quy định.

Giám sát chất thải rắn sản xuất: Chủ cơ sở thu gom, thống kê thành phần, khối lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh và hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng đến thu gom, xử lý với tần suất thu gom, xử lý. Chủ cơ sở sẽ báo cáo về các cơ quan quản lý nhà nước thông qua Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ 1 lần/năm theo đúng quy định.

Giám sát chất thải nguy hại: Chủ cơ sở sẽ thu gom, phân loại, lưu trữ chất thải nguy hại phát sinh theo quy định và hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thống kê thành phần, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh với tần suất thu gom, xử lý 01 lần/năm. Chủ cơ sở sẽ báo cáo về các cơ quan quản lý nhà nước thông qua Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ 1 lần/năm theo đúng quy định.

### **3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm**

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hằng năm (đối với chất thải rắn) dự kiến là 6.000.000 đồng/năm.



## CHƯƠNG VII

### KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong năm 2022 và năm 2023 cơ sở không có đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường. Trong quá trình hoạt động, cơ sở luôn thực hiện tốt các công tác bảo vệ môi trường nhằm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh khu vực.

## **Chương VIII**

### **CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Công ty cam kết các nội dung, thông tin nêu trên và giấy tờ kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu thông tin báo cáo thiếu trung thực.

Công ty cam kết xả thải đúng theo giấy phép môi trường được cấp và thực hiện các công tác bảo vệ môi trường như trong giấy phép môi trường đã nêu. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

Công ty cam kết thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu đối với nước thải sinh hoạt trước khi ra nguồn tiếp nhận.

- Công ty cam kết đảm bảo thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu đối với môi trường nước thải sinh hoạt đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Công ty cam kết đảm bảo thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu đối với môi trường khí thải đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và môi trường không khí đảm bảo đạt QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; tiếng ồn đảm bảo đạt QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Công ty cam kết bố trí nhân sự quản lý, lưu trữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại đúng quy định theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định.

Định kỳ báo cáo về cơ quan phê duyệt Giấy phép môi trường thông qua Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tần suất 1 lần/năm.

Công ty cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các biện pháp giảm thiểu phòng cháy chữa cháy, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, ... trong quá trình hoạt động của cơ sở.

Công ty trình báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường địa phương để xử lý kịp thời các nguồn ô nhiễm khi xảy ra sự cố. Công ty cam kết khắc phục, đền bù thiệt hại khi để xảy ra các sự cố do quá trình hoạt động của cơ sở gây ra.

## **PHỤ LỤC BÁO CÁO**

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Giấy chứng nhận chủ trương đầu tư.
3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
4. Giấy chứng thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy.
5. Bản vẽ mặt bằng tổng thể.
6. Bản vẽ giám sát định kỳ.

---

## PHỤ LỤC

---